

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-ST

Ngày: 22-11-2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Tuấn.

2. Bà Đinh Thị Tinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Khương K, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1964.

2. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1944.

Người đại diện cho bà Nguyễn Thị B: Ông Trần Khương K, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2018).

Người đại diện cho ông **Nguyễn Văn S**: Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1950.
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/7/2018 cũng như lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn ông Trần Khương K thể hiện như sau: Ông có thửa đất 1035, tờ bản đồ số 08, loại đất LUC, diện tích 2580m²; tọa lạc ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vào ngày 03 tháng 11 năm 1995. Nguồn gốc của thửa đất 1035 là của cha ruột tên Trần Văn C cho ông vào năm 1987 và ông trực tiếp sử dụng từ năm 1987, khi đó đất đang trồng lúa, đến năm 1996 thì ông lên líp thành đất vườn, trồng cây ăn trái như dừa và nhãn. Thửa đất này giáp ranh với thửa 1036, tờ bản đồ số 08, diện tích 2200m² do bà Trần Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào năm 2007, Nhà nước thi công Tỉnh lộ 915 làm mất cọc ranh, bà H có cắm lại cọc ranh, do ông tin tưởng bà H đã cắm đúng ranh nên cũng không để ý, ông nghĩ bà H đã cắm ranh đúng mốc giới và không có tranh chấp gì. Cho đến năm 2017, bà H chuyển nhượng một phần đất thuộc thửa 1036 cho người khác, khi cán bộ địa chính tiến hành đo tách thửa thì ông mới phát hiện bà H sử dụng lấn ranh sang thửa đất 1035 của ông với diện tích theo khảo sát thực tế là 313.8m². Trên phần đất bà H đã lấn chiếm, bà H có trồng các loại cây như: xoài, mai, dừa, ổi, nhãn. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả lại cho ông diện tích đã lấn chiếm là 313.8m² thuộc thửa 1035, tờ bản đồ số 8, diện tích chung 2580m²; tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Buộc bà H di dời tất cả cây trồng có trên phần đất lấn chiếm, chi phí di dời bà H tự chi chịu, ông không hỗ trợ, vì bà H tự ý lấn chiếm đất của ông. Đồng thời, ông buộc bà H bồi thường thiệt hại do bà H đã lấn chiếm sử dụng đất của ông trong 10 năm với số tiền 15.000.000 đồng.

Theo lời khai ngày 05/02/2018 và ngày 10/7/2018 cũng như lời khai tại phiên tòa của bị đơn bà Trần Thị H thể hiện như sau: Vào năm 1996 bà H có nhận chuyển nhượng của bà Trần Kim L hai thửa đất 1036 và 1038 với tổng diện tích chung là 2230m²; tọa lạc ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh và bà H được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất nêu trên vào ngày 18/6/1996. Nguồn gốc của hai thửa đất trên là của ông Trần Văn C là cha ruột của bà Trần Kim L cho bà L (bà L là chị ruột của Trần Khương K) nhưng bà L không sử dụng nên đã chuyển nhượng lại cho bà. Lúc nhận chuyển nhượng là đất trồng lúa, đến năm 1998 bà lên líp thành đất vườn trồng cây ăn trái như nhãn, dừa, ổi. Đến năm 2016, bà H chiết một phần thửa 1036 chuyển nhượng cho Nguyễn Quốc V, không nhớ chuyển nhượng diện tích bao nhiêu, sau khi làm thủ tục tách thửa cho Nguyễn Quốc V xong thì thửa 1036 được cấp đổi thành thửa mới là thửa 394, diện tích còn lại là 1.035,6m². Thửa 394 giáp ranh với thửa 1035 của ông Trần Khương K. Khi nhận chuyển nhượng đất bà L đã chỉ ranh tứ cận và bà H sử dụng đúng ranh đất chứ không có lấn chiếm đất của ông K. Còn thửa 1038 diện tích 360m² bà H vẫn đứng tên theo tư liệu cấp

giấy năm 1996, chưa làm thủ tục cấp đổi lại giấy mới. Do bà H không có lần chiếm đất của ông K nên bà không đồng ý trả đất và bồi thường thiệt hại cho ông K.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B ủy quyền cho ông Trần Khương K; ông Nguyễn Văn S ủy quyền cho bà Trần Thị H tham gia tố tụng và toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

Quan điểm của vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn và cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chấp nhận phần diện tích tranh chấp là 313,8m² là thuộc thửa 1035 của ông Trần Khương K. Tuy phần diện tích tranh chấp là 313,8m² thuộc thửa 1035 nhưng bà H đã trực tiếp sử dụng một thời gian dài ông K cũng không ngăn cản, đến khi bà H chuyển nhượng đất cho người khác ông K mới biết một phần đất của thửa 1035 do bà H sử dụng và trên đất bà H cũng đã trồng các loại cây ăn trái như dừa, xoài, ổi, măng cầu. Do đó cần giao diện tích 313,8m² cho bà H tiếp tục sử dụng và bà H có nghĩa vụ thanh toán giá trị diện tích 313,8m² theo giá của Hội đồng định giá vào ngày 06/3/2018 là phù hợp. Về án phí, chi phí thẩm định, định giá đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nội dung tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại khoản 6, 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bà Trần Thị H có nơi cư trú và làm việc tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S ủy quyền cho bà Trần Thị H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2018; bà Nguyễn Thị B ủy quyền cho ông Trần Khương K tham gia tố tụng theo văn bản

ủy quyền ngày 22/01/2018 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:* Ngày 07/12/2017 ông K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả lại cho ông diện tích đất đã lấn chiếm là 308.9m², thuộc một phần thửa 1035, diện tích 2580m² tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do khảo sát thực tế diện tích tranh chấp tăng so với diện tích khởi kiện ban đầu nên ngày 09/7/2018 ông K có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà H phải trả thêm 4.9m² đất thuộc một phần thửa 1035. Cả hai lần khởi kiện ông K yêu cầu bà H phải trả diện tích đất đã lấn chiếm là 313.8m² thuộc một phần thửa 1035, diện tích 2.580m² tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, ông K không hỗ trợ chi phí di dời. Đồng thời, ông K yêu cầu bà H phải bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng do bà H lấn chiếm sử dụng đất của ông từ năm 2007 đến nay. Đối với bà H cho rằng bà không có lấn chiếm nên không đồng ý trả đất và không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông K.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà H phải trả diện tích 313.8m² đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thửa đất 1035 và thửa 1036 đều có nguồn gốc của ông Trần Văn C (cha ruột của ông Trần Khương K). Vào năm 1987, ông C cho hai người con là ông Trần Khương K thửa 1035 có diện tích là 2.580m² và cho bà Trần Kim L thửa 1036 có diện tích là 1.870m² và thửa 1038 có diện tích là 360m², lúc cho là đất trồng lúa. Theo lời khai của bà L xác nhận, lúc ông C cho đất có ra chỉ ranh và cắm cọc ranh rõ ràng, bà và ông K sử dụng đúng ranh không có tranh chấp gì. Đến năm 1996, bà L chuyển nhượng hai thửa đất 1036 và 1038 cho bà Trần Thị H, tính đến nay thời gian đã trên 20 năm nên bà L không còn nhớ ranh giới.

Phía ông K thì cho rằng trước năm 2007 ông và bà H sử dụng đúng ranh giới nhưng kể từ năm 2007 do ông bán đất mặt cho Nhà nước đắp taluy làm tỉnh lộ và vận chuyển ngang đất của bà H nên bị mất cọc ranh, sau đó mới bị bà H cắm ranh lấn chiếm đất của ông K. Còn bà H thừa nhận cho Nhà nước đi nhờ qua đất bà khi mua đất mặt của ông K nhưng bà không có thay đổi vị trí ranh đất và bà H cũng xác định nhận chuyển nhượng đất của bà L là đúng hai thửa 1036 và 1038. Nhưng cả bà H và ông K đều không chứng minh được chính xác phần diện tích tranh chấp do bên nào trực tiếp canh tác từ khoảng thời gian nào.

Qua xác minh những người dân địa phương cho biết đất mà bà H đang sử dụng là nhận chuyển nhượng từ bà L, phần vị trí đất tranh chấp có bờ đất giáp ranh với đất ông K và trước khi nhà nước làm tỉnh lộ 915 những hộ dân này muốn đi ra lộ phải đi nhờ qua bờ đất mà theo như bà H nói đó là đất của bà H và thời điểm đó giữa ông K và bà H không có tranh chấp gì; thực tế cũng cho thấy cây lâu năm trên đất là do bà H trồng nhưng thực tế ranh giới giữa đất của ông K và bà H thì họ không biết.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/3/2018 thể hiện trên đất tranh chấp gồm có: 07 cây dừa (03 năm tuổi), 01 cây dừa (11 năm tuổi), 01 cây xoài (11 năm tuổi), 01 cây xoài (02 năm tuổi), 19 cây ổi (05 năm tuổi),

07 cây măng cầu (11 năm tuổi) và 01 cây măng cầu (02 năm tuổi). Tất cả các cây nêu trên đều do bà H trồng.

Theo công văn số 228/CV-VP.ĐKĐĐ ngày 26/6/2018 kết luận phần diện tích đất tranh chấp là $313,8\text{m}^2$ thuộc thửa 1035 do ông Trần Khương K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng diện tích đất theo hiện trạng thửa 1035 là $2802,5\text{m}^2$ (bao gồm cả phần đất tranh chấp) diện tích tăng $222,5\text{m}^2$ do sai số chênh lệch giữa hai lần đo đạc. Đối với thửa 1036 của bà H tổng diện tích đất theo hiện trạng là $1860,4\text{m}^2$ (bao gồm luôn phần diện tích $75,4\text{m}^2$ bồi thường công trình Đê bao và công trình tỉnh lộ 915) diện tích giảm $9,6\text{m}^2$ do sai số chênh lệch giữa hai lần đo đạc.

Căn cứ vào Công văn số 316/UBND-NC ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè như sau: “Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Khương K thửa số 1035, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.580m^2 , tọa lạc tại ấp H, xã A (nay là xã T), huyện C, tỉnh Trà Vinh là đúng trình tự thủ tục, diện tích, chủ thể và hiện trạng sử dụng đất.”

Xét thấy, phần đất đang tranh chấp bà L đã sử dụng trước khi sang cho bà H, giữa bà L và ông K không có tranh chấp gì. Sau khi chuyển nhượng cho bà H thì bà H tiếp tục sử dụng cho tới nay nhưng giữa ông K và bà H trong quá trình sử dụng đất, bà H đã canh tác không đúng mốc giới giữa hai thửa đất. Khi bà H sang một phần thửa 1036 cho người khác thì ông K mới phát hiện một phần đất của mình do bà H sử dụng và phát sinh tranh chấp.

Từ phân tích nêu trên cho thấy việc sử dụng đất của bà H đã lấn sang thửa 1035 của ông K theo kết quả khảo sát thực tế trên cơ sở chỉ ranh của ông K với diện tích là $313,8\text{m}^2$. Do đó, ông K yêu cầu bà H trả cho ông K diện tích $313,8\text{m}^2$ là có căn cứ. Tuy cả bà H và ông K đều không ai chứng minh được chính xác diện tích tranh chấp do bên nào trực tiếp canh tác từ thời gian nào nhưng căn cứ vào các loại cây trên đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/3/2018 thể hiện cây có tuổi đời lâu năm nhất 01 cây dừa (11 năm tuổi), 01 cây xoài (11 năm tuổi) và 07 cây măng cầu (11 năm tuổi) do bà H trồng và bản thân ông K cũng thừa nhận là đến năm 2016 ông K mới phát sinh tranh chấp cho nên cần giao đất cho bà H tiếp tục sử dụng diện tích $313,8\text{m}^2$ và buộc bà H phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho ông K theo giá Hội đồng định giá đã định là hợp tình, hợp lý. Giá trị của diện tích $313,8\text{m}^2$ là loại đất trồng cây lâu năm (đất vườn) có giá là 60.000 đồng/ m^2 theo biên bản định giá ngày 16 tháng 3 năm 2018 (khung giá đất được tính theo Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành bản giá điều chỉnh 5 năm 2015-2019).

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà H bồi thường số tiền 15.000.000 đồng do bà H lấn chiếm sử dụng đất của ông K thời gian là 10 năm nên ông không được canh tác đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông K đứng tên nhưng thực tế ông K không canh tác, đầu tư gì trên phần đất tranh chấp, thậm

chỉ không biết đất mình còn dư so với hiện trạng sử dụng. Do ông K không chứng minh được thiệt hại nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường theo Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

[5] Đối với diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 1035 do ông K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi cấp giấy là loại đất LUC nhưng hiện tại đất này đã lên líp thành đất vườn và trồng cây ăn trái. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông K và bà H đều không yêu cầu xem xét công sức lên líp, sức gìn, cải tạo đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá: Căn cứ khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật dân sự 2015 thì đương sự phải chịu chi phí thẩm định, chi phí định giá theo quy định của pháp luật. Tổng chi phí xem xét thẩm định và định giá là 4.022.838 đồng. Buộc nguyên đơn, bị đơn mỗi bên chịu một nửa chi phí bằng 2.011.500 đồng. Do ông K đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong cho Hội đồng thẩm định, định giá nên buộc bà H phải trả cho ông K số tiền là 2.011.500 đồng. Số tiền tạm ứng thẩm định, định giá còn dư là 977.000 đồng Tòa án đã hoàn trả cho ông K xong.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn được miễn nộp toàn bộ án phí, nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 và điểm b khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 357, Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 12, Điều 166, 203 Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khương K.

Giao cho bà Trần Thị H được tiếp tục sử dụng diện tích 313,8m² thuộc một phần thửa 1035, tờ bản đồ số 8, loại đất LUC, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do ông Trần Khương K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản có trên đất.

Diện tích 313,8m² đất có chiều dài các cạnh như sau (theo tài liệu năm 1991):

Đông giáp phần diện tích không tranh chấp (ký hiệu là B) có kích thước 43,8m.

Tây giáp phần còn lại của thửa 1035 có kích thước 44,1m.

Nam giáp thửa 1038 có kích thước 1,7m.

Bắc giáp phần còn lại của thửa 1018 có kích thước 12,7m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Trần Thị H phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho ông Trần Khương K số tiền 18.828.000 đồng.

Bà Trần Thị H có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện nghĩa vụ về tài chính để làm thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích và tứ cận theo quyết định của bản án này.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Khương K đối với yêu cầu buộc bà Trần Thị H bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc ông Trần Khương K và bà Trần Thị H mỗi người phải chịu số tiền 2.011.500 đồng. Do ông K đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong cho Hội đồng thẩm định, định giá nên buộc bà Trần Thị H phải trả cho ông K số tiền là 2.011.500 đồng. Số tiền tạm ứng thẩm định, định giá còn dư là 977000 đồng Tòa án đã hoàn trả cho ông K xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị H. Buộc ông Trần Khương K phải nộp số tiền 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí ông K nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 875.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014938 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Hoàn trả số tiền chênh lệch cho ông K bằng 125.000 đồng. Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017908 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Ai